

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Tiên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 745 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

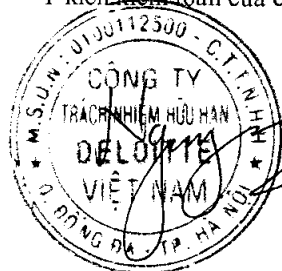
Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 44 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang và phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã điều chỉnh một số số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 3.028 tỷ VND, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 576 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 299 tỷ VND. Các vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				Điều chỉnh lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.434.377.787.805	10.053.558.447.610
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	873.243.970.647	1.765.815.383.424
1. Tiền	111		537.599.518.674	1.314.274.161.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		335.644.451.973	451.541.221.621
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	119.608.041.024	93.011.049.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		209.148.845.000	253.643.133.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(161.157.292.000)	(160.632.084.200)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		71.616.488.024	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.522.632.821.353	3.833.942.241.414
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.021.522.980.637	1.719.836.102.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.146.863.194.536	2.418.617.788.289
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		71.964.625.337	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		114.511.169.735	114.511.169.735
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.231.709.689.681	667.067.241.083
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.067.146.222.845)	(1.089.297.444.185)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.207.384.272	3.207.384.272
IV. Hàng tồn kho	140	12	4.615.298.588.571	3.974.807.337.418
1. Hàng tồn kho	141		4.679.181.202.237	3.986.962.565.068
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(63.882.613.666)	(12.155.227.650)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		303.594.366.210	385.982.435.754
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	8.963.344.557	17.065.869.850
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		236.503.243.622	280.436.254.483
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26	31.874.382.531	38.675.101.909
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	49.805.209.512

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 Điều chỉnh lại
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.428.390.801.984	5.887.161.202.816
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		524.578.812.568	865.901.096.027
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		103.312.273.041	169.448.618.086
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		44.515.828.147	2.810.294.338
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	14	504.156.498.658	504.156.498.658
4. Phải thu dài hạn khác	216	10	170.806.076.918	189.485.684.945
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(298.211.864.196)	-
II. Tài sản cố định	220		1.723.291.709.360	1.759.781.506.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.258.947.328.127	1.291.630.774.835
- Nguyên giá	222		1.764.780.770.062	1.701.694.578.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(505.833.441.935)	(410.063.803.220)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	73.917.068.600	69.209.953.887
- Nguyên giá	225		100.322.019.627	100.159.875.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.404.951.027)	(30.949.921.711)
3. Tài sản cố định vô hình	227	17	390.427.312.633	398.940.777.683
- Nguyên giá	228		409.799.134.760	414.972.372.442
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.371.822.127)	(16.031.594.759)
III. Bất động sản đầu tư	230	18	129.453.972.591	105.724.312.697
- Nguyên giá	231		138.480.144.673	110.708.341.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.026.172.082)	(4.984.028.803)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	19	2.277.400.817.870	2.133.596.336.817
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.309.326.278.213	1.204.479.476.961
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		968.074.539.657	929.116.859.856
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		187.731.751.702	347.982.028.384
1. Đầu tư vào công ty con	251	20	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	21	130.800.017.376	261.255.484.579
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	22	231.084.388.437	249.949.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(174.152.654.111)	(163.223.424.394)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		585.933.737.893	674.175.922.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	279.679.515.301	319.340.588.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		41.382.083.257	50.110.431.378
3. Tài sản dài hạn khác	268		239.950.943.385	273.392.602.435
4. Lợi thế thương mại	269	23	24.921.195.950	31.332.300.449
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.862.768.589.789	15.940.719.650.426

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				Điều chỉnh lại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.997.307.093.754	13.075.993.748.083
I. Nợ ngắn hạn	310		10.010.553.839.401	11.173.345.231.677
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	3.876.782.259.240	2.361.960.223.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	3.108.420.429.237	5.383.331.345.478
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	26	69.951.979.199	106.180.264.846
4. Phải trả người lao động	314		215.351.372.433	121.977.557.228
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27	855.518.702.140	697.438.327.642
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		702.418.604	4.892.723.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	28	681.548.864.536	1.426.466.224.518
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29	1.175.380.300.900	1.069.295.087.103
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.258.004.027	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.639.509.085	1.803.477.673
II. Nợ dài hạn	330		1.986.753.254.353	1.902.648.516.406
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	2.610.367.288
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	148.781.860.539
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	27	144.545.262.234	73.926.727.446
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		202.976.116.345	143.956.973.946
5. Phải trả dài hạn khác	337		88.091.240.776	73.305.715.908
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	30	1.512.377.219.267	1.412.218.649.951
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.376.938.319	8.542.391.943
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342		31.386.477.412	39.305.829.385
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.865.461.496.035	2.864.725.902.343
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.865.461.496.035	2.864.725.902.343
1. Vốn điều lệ	411	31	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	31	6.831.719.482	76.921.472
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	31	3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415	31	(2.862.805.993)	(2.862.795.798)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	31	142.499.602.785	151.410.813.830
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	31	2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421	31	(3.028.008.205.855)	(3.027.089.835.305)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.051.994.470.942)	(3.076.872.934.833)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		23.986.265.087	49.783.099.528
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.741.775.497.140	1.737.965.109.668
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		14.862.768.589.789	15.940.719.650.426


 Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu


 Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Mạnh Tiến
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	
			2015	Điều chỉnh lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	11.843.363.824.425	8.957.051.347.613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	7.067.766.989	10.826.331.334
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	34	11.836.296.057.436	8.946.225.016.279
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	11.088.185.760.069	8.490.662.783.421
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		748.110.297.367	455.562.232.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	90.221.137.086	505.743.240.516
7. Chi phí tài chính	22	37	34.987.210.487	512.160.903.404
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		136.740.804.866	127.815.244.534
8. (Lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	24		(31.355.467.203)	(19.122.458.307)
9. Chi phí bán hàng	25		23.733.489.545	17.203.586.298
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		677.839.033.566	334.427.298.726
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		70.416.233.652	78.391.226.639
12. Thu nhập khác	31		71.403.600.073	147.052.913.984
13. Chi phí khác	32		53.295.937.287	85.337.179.445
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		18.107.662.786	61.715.734.539
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		88.523.896.438	140.106.961.178
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	58.269.570.143	45.412.341.868
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	39	7.562.894.497	(7.845.376.488)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.691.431.798	102.539.995.798
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		23.986.265.087	49.783.099.528
20. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.294.833.289)	52.756.896.270
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	45	104



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	Điều chỉnh lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.523.896.438	140.106.961.178
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	116.383.131.565	118.410.286.917
Các khoản dự phòng	03	339.242.466.389	(288.427.527.848)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.482.602.996)	(976.572.032)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.582.610.746)	(53.627.576.075)
Chi phí lãi vay	06	136.740.804.866	127.815.244.534
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	673.825.085.516	43.300.816.674
Thay đổi các khoản phải thu	09	482.566.555.393	(99.274.297.585)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(802.006.105.667)	(424.752.421.857)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.365.983.078.137)	753.315.344.669
Thay đổi chi phí trả trước	12	44.319.839.699	958.680.039.385
Tiền lãi vay đã trả	14	(122.099.668.121)	(101.708.211.857)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(46.653.079.024)	(44.323.701.395)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	78.721.848	4.094.005.067
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.862.823.752)	(116.801.012.770)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.154.814.552.245)	972.530.560.331
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(106.031.113.207)	(97.798.503.814)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	47.407.155.116	33.165.656.975
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.780.140.256)	(20.536.276.347)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	152.521.794.597	98.669.631.807
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.374.367.116	37.690.431.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	100.492.063.366	51.190.940.430
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	26.158.617.975	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.820.285.026.538	1.831.270.275.901
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.618.257.606.467)	(2.660.758.190.325)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(26.746.124.952)	(26.462.672.026)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(41.620.298.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	159.819.614.894	(855.950.586.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(894.502.873.985)	167.770.914.311
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.931.461.208	270.307.968
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	873.243.978.647	1.765.815.383.424

Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Tiến
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.350 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.825 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty gồm có văn phòng và các ban điều hành, chi nhánh như sau: Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch, Ban điều hành các dự án PVC phía Nam, Ban điều hành dự án nhà máy sơ xori tổng hợp Polyester, Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc, 9 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 21.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô) có dấu hiệu nghi ngờ về tính hoạt động liên tục do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, không có khả năng chi trả các khoản vay ngắn hạn và các công ty này có lỗ lũy kế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.028 tỷ VND, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 576 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn là khoảng 299 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2016 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2015
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2015
	(Số năm)
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ VÀ PHÂN LOẠI LẠI**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng Công ty, Tổng Công ty đã nhận được Báo cáo kiểm toán Tổng Công ty năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty đã điều chỉnh số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 theo Kiểm toán Nhà nước.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 cho phù hợp với số liệu của năm nay.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh hồi tố/ Phân loại lại VND	Số sau điều chỉnh VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124.083.969.545	(31.072.919.945)	93.011.049.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.909.158.500.515	(75.216.259.101)	3.833.942.241.414
Hàng tồn kho	4.616.960.488.485	(642.153.151.067)	3.974.807.337.418
Tài sản ngắn hạn khác	477.468.286.418	(91.485.850.664)	385.982.435.754
Các khoản phải thu dài hạn	174.081.951.419	691.819.144.608	865.901.096.027
Tài sản cố định	2.686.205.088.267	(926.423.581.862)	1.759.781.506.405
Tài sản dở dang dài hạn	-	2.133.596.336.817	2.133.596.336.817
Đầu tư tài chính dài hạn	618.728.682.399	(270.746.654.015)	347.982.028.384
Tài sản dài hạn khác	569.670.432.381	104.505.490.105	674.175.922.486
Nợ ngắn hạn	10.624.273.215.055	549.072.016.622	11.173.345.231.677
Nợ dài hạn	1.647.538.387.613	255.110.128.793	1.902.648.516.406
Vốn chủ sở hữu	1.113.295.156.342	1.751.430.746.001	2.864.725.902.343

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.927.983.429.676	18.241.586.603	8.946.225.016.279
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	377.146.427.733	78.415.805.125	455.562.232.858
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.232.725.144	92.874.236.034	140.106.961.178
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.312.532.073	92.227.463.725	102.539.995.798
Lãi sau thuế của Công ty mẹ	15.433.995.015	34.349.104.513	49.783.099.528
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(5.121.462.942)	57.878.359.212	52.756.896.270

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	5.290.045.614	7.722.633.897
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	532.309.473.060	1.306.551.527.906
Các khoản tương đương tiền (ii)	335.644.451.973	451.541.221.621
	873.243.970.647	1.765.815.383.424

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (Tiếp theo)**

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm số tiền khoảng 57,8 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (“OceanBank”) đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoản 71,1 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014 (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	209.148.845.000	161.157.292.000	253.643.133.800	160.632.084.200
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>101.654.452.000</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>83.124.045.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)</i>	<i>49.200.000.000</i>	<i>42.800.000.000</i>	<i>49.200.000.000</i>	<i>35.600.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC</i>	-	-	<i>30.000.000.000</i>	<i>21.900.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (PHH)</i>	-	-	<i>13.200.000.000</i>	<i>5.760.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>9.280.780.000</i>	<i>2.817.840.000</i>	<i>10.575.068.800</i>	<i>363.039.200</i>
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	71.616.488.024	-	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>71.616.488.024</i>	-	-	-

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 42)	574.359.326.178	914.687.407.813
Phải thu các bên khác	1.447.163.654.459	805.148.694.407
	2.021.522.980.637	1.719.836.102.220

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	238.256.667.098	277.147.928.725
FLSmidth Wadgassen	174.599.500.950	174.599.500.950
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	113.089.334.990	112.839.334.990
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	16.032.830.809	246.661.731.693
Công ty Công nghiệp DAELIM	-	871.808.649.161
Các nhà cung cấp khác	604.884.860.689	735.560.642.770
	1.146.863.194.536	2.418.617.788.289

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
a. Ngắn hạn	1.231.709.689.681	667.067.241.083
- Ký cược, ký quỹ	572.325.952.884	137.509.219.743
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	149.298.051.973	124.013.675.042
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	91.361.184.288	91.361.184.288
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu khác	372.490.722.380	267.949.383.854
b. Dài hạn	170.806.076.918	189.485.684.945
- Ký cược, ký quỹ	135.247.448.571	171.091.001.876
- Phải thu khác	35.558.628.347	18.394.683.069
	1.402.515.766.599	856.552.926.028

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 43).
- (ii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	295.343.570.527	50.745.234.938	318.596.569.204	274.286.418.942
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	221.227.199.179	90.732.738.886	219.191.643.621	214.894.826.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	192.048.361.058	44.766.476.746	251.186.601.142	65.579.844.768
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	155.841.990.366	18.628.629.266	148.951.712.592	33.832.487.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	116.380.911.198	105.354.179.110	115.767.136.834	109.695.402.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản	100.063.500.000	-	115.763.500.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.555.543.731	909.670.604	100.552.631.134	40.057.469.070
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	89.875.736.552	17.541.256.428	91.556.133.560	33.991.214.361
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	69.805.734.107	3.022.782.195	78.346.624.128	13.686.180.033
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.611.264.659	23.030.048.513	60.087.416.072	43.235.929.089
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	45.477.848.975	-	45.477.848.975	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	45.198.043.065	18.383.943.809	27.778.457.351	5.127.226.246
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	44.672.654.196	1.250.162.580	94.454.967.945	11.646.894.432
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	40.000.000.000	12.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	39.213.925.313	-	39.213.925.313	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	28.026.673.819	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY	-	-	27.818.196.227	10.013.213.414
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	23.575.990.000	23.575.990.000	7.072.797.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014 (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.767.930.975	519.790.203	72.239.888.895	616.207.902
Công cụ, dụng cụ	12.196.931.350	263.728.437	8.516.287.585	282.599.940
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	4.199.122.887.061	26.607.537.179	3.406.548.266.420	6.604.856.075
Thành phẩm	8.771.694.556	-	10.293.533.859	-
Hàng hoá	33.833.143	-	39.725.877	-
Hàng hoá bất động sản	424.287.925.152	36.491.557.847	489.324.862.432	4.651.563.733
	4.679.181.202.237	63.882.613.666	3.986.962.565.068	12.155.227.650

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	3.350.977.952.216	2.046.539.584.709
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	250.567.444.291	320.611.051.744
Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú - Quận 7 - TP. HCM (ii)	155.258.032.738	411.724.661.051
Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.938.202.698	56.970.683.089
Viện Dầu khí Việt Nam	13.315.969.546	115.206.360.112
Các công trình khác	338.065.285.572	455.495.925.715
	4.199.122.887.061	3.406.548.266.420

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 44 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú của Petroland (công ty con của Tổng Công ty) bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Tổng giá trị đầu tư của dự án khoảng 540 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các diện tích tầng hầm, trung tâm thương mại, nhà trẻ chưa thi công xong và diện tích các căn Penthouse chưa bàn giao cho khách hàng. Theo tiến độ, Petroland sẽ bàn giao nốt các căn hộ còn lại cho người mua trong năm 2016. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định vẫn trình bày số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang công trình này là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.074.450.087	8.398.981.413
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.888.894.470	8.666.888.437
	<u>8.963.344.557</u>	<u>17.065.869.850</u>
b) Dài hạn		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	96.775.921.380	98.868.373.728
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	66.668.132.396	81.531.742.812
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	60.569.501.294	48.516.636.857
Chi phí dịch vụ bán hàng (căn hộ) qua sàn giao dịch BĐS	41.061.565.059	41.003.196.544
Lợi thế kinh doanh	2.117.927.000	41.635.063.856
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.486.468.172	7.785.574.427
	<u>279.679.515.301</u>	<u>319.340.588.224</u>

14. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014 (Điều chỉnh lại)</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	167.153.319.304	179.912.859.769	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	101.620.000.000	5.467.156.000	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	1.235.238.889	22.623.638.889	-
	<u>504.156.498.658</u>	<u>298.211.864.196</u>	<u>504.156.498.658</u>	-

Số dư phải thu các công ty về cho vay dài hạn thể hiện số tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) tiền nhận chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 và số tiền Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã làm việc với các công ty này đồng thời đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYỄN GIÁ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	1.221.248.955.355	292.949.176.977	145.612.481.268	41.327.970.955	555.993.500	1.701.694.578.055
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.411.551.419	-	-	-	-	34.411.551.419
Mua sắm mới	4.514.067.473	20.654.193.920	9.071.506.342	2.526.219.027	685.878.182	37.451.864.944
Tặng do mua lại tài sản có định thuế tài chính	-	-	31.057.018.237	-	-	31.057.018.237
Tặng từ hàng tồn kho, bất động sản đầu tư	2.070.000.000	-	-	-	-	2.070.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(22.673.448.608)	(9.258.725.999)	(5.335.001.730)	(378.712.052)	-	(37.645.888.389)
Phân loại lại	-	(6.297.246.181)	10.320.432.987	(4.023.186.806)	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.619.546.931)	-	-	-	-	(3.619.546.931)
(Giảm) khác	(537.207.273)	(101.600.000)	-	-	-	(638.807.273)
Tại ngày 31/12/2015	1.235.414.371.435	297.945.798.717	190.726.437.104	39.452.291.124	1.241.871.682	1.764.780.770.062

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	117.660.792.954	160.411.109.579	98.876.491.867	32.851.250.152	264.158.668	410.063.803.220
Trích khấu hao trong năm	49.727.388.748	23.739.021.911	20.670.020.976	2.894.554.540	186.237.849	97.217.224.024
Tặng do mua lại tài sản có định thuế tài chính	-	-	16.263.132.408	-	-	16.263.132.408
Thanh lý, nhượng bán	(3.084.313.330)	(7.326.438.351)	(3.121.071.325)	(352.128.852)	-	(13.883.951.858)
Phân loại lại	-	(2.711.031.216)	4.477.656.803	(1.766.625.587)	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(383.007.342)	-	-	-	-	(383.007.342)
(Giảm) khác	(1.019.578.146)	(223.704.366)	(2.167.810.531)	(32.665.474)	-	(3.443.758.517)
Tại ngày 31/12/2015	162.901.282.884	173.888.957.557	134.998.420.198	33.594.384.779	450.396.517	505.833.441.935

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2015	1.072.513.088.551	124.056.841.160	55.728.016.906	5.857.906.345	791.475.165	1.258.947.328.127
Tại ngày 31/12/2014	1.103.588.162.401	132.538.067.398	46.735.989.401	8.476.720.803	291.834.832	1.291.630.774.835

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 453.725.174.023 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 973.900.375.885 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 166.102.219.052 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 117.219.987.872 VND).

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	15.985.901.963	84.173.973.635	100.159.875.598
Thuê tài chính trong năm	26.540.129.812	4.422.358.182	30.962.487.994
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(30.800.343.965)	(30.800.343.965)
Tại ngày 31/12/2015	42.526.031.775	57.795.987.852	100.322.019.627
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.253.682.428	29.696.239.283	30.949.921.711
Khấu hao trong năm	4.816.159.156	6.902.002.568	11.718.161.724
Phân loại lại	1.151.235.206	(1.151.235.206)	-
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(16.263.132.408)	(16.263.132.408)
Tại ngày 31/12/2015	7.221.076.790	19.183.874.237	26.404.951.027
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	35.304.954.985	38.612.113.615	73.917.068.600
Tại ngày 31/12/2014	14.732.219.535	54.477.734.352	69.209.953.887

17. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	397.145.684.060	17.796.688.382	30.000.000	414.972.372.442
Thanh lý, nhượng bán	(5.173.237.682)	-	-	(5.173.237.682)
Tại ngày 31/12/2015	391.972.446.378	17.796.688.382	30.000.000	409.799.134.760
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	4.043.444.424	11.958.150.335	30.000.000	16.031.594.759
Khấu hao trong năm	780.522.971	2.904.586.909	-	3.685.109.880
Thanh lý, nhượng bán	(344.882.512)	-	-	(344.882.512)
Phân loại lại	(1.294.389)	1.294.389	-	-
Tại ngày 31/12/2015	4.477.790.494	14.864.031.633	30.000.000	19.371.822.127
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	387.494.655.884	2.932.656.749	-	390.427.312.633
Tại ngày 31/12/2014	393.102.239.636	5.838.538.047	-	398.940.777.683

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 498.394.245.391 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 260.573.318.964 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

18. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	103.982.188.492	6.726.153.008	110.708.341.500
Tăng trong năm	21.385.088.996	-	21.385.088.996
Tăng từ hàng tồn kho	4.837.167.246	-	4.837.167.246
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	3.619.546.931	-	3.619.546.931
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(2.070.000.000)	-	(2.070.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	131.753.991.665	6.726.153.008	138.480.144.673
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	4.797.896.505	186.132.298	4.984.028.803
Khấu hao trong năm	3.718.581.601	44.054.336	3.762.635.937
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	383.007.342	-	383.007.342
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(103.500.000)	-	(103.500.000)
Tại ngày 31/12/2015	8.795.985.448	230.186.634	9.026.172.082
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	122.958.006.217	6.495.966.374	129.453.972.591
Tại ngày 31/12/2014	99.184.291.987	6.540.020.710	105.724.312.697

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

19. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014 (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án chung cư PetroVietnam Landmark	1.017.239.621.458	951.999.738.170	970.580.824.624	841.943.418.264
Dự án chung cư cao tầng Thăng Long - Quận 9 - TP. HCM (i)	327.125.287.643	327.125.287.643	326.821.059.332	326.821.059.332
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	27.859.273.633	14.016.684.459	29.153.994.531	14.457.357.530
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Các công trình, dự án khác	30.620.862.968	7.022.261.061	35.101.156.638	12.095.334.955
Cộng	1.428.604.370.914	1.309.326.278.213	1.387.416.360.337	1.204.479.476.961

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Thẻ hiện chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh là số tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) trả cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (gọi tắt là "Công ty Vũ Anh") theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng để thực hiện các chi phí đền bù giải tỏa và các chi phí khác để có được quyền sử dụng đất cho lô đất với diện tích 60.626,4 m² thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng lô đất này của Petroland hiện đang chờ UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Khoản tiền này cũng được ghi nhận là khoản vốn góp của Petroland vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (một công ty con của Petroland) trên báo cáo tài chính riêng của Petroland. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	Điều chỉnh lại VND
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	3.689.257.335	1.448.401.588
- Xây dựng cơ bản	964.385.282.322	927.668.458.268
Trong đó:		
<i>Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh</i>	228.648.061.338	230.465.674.152
<i>Dự án Xuân Phương (i)</i>	171.415.443.004	171.360.327.380
<i>Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu</i>	156.197.977.424	153.948.312.084
<i>Công trình - Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu</i>	115.164.700.040	75.702.734.982
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	102.408.772.595	102.040.420.010
<i>Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình P10</i>	96.823.309.274	101.846.923.850
<i>Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí</i>	41.287.489.549	37.383.286.989
<i>Các công trình, dự án khác</i>	52.439.529.098	54.920.778.821
	<u>968.074.539.657</u>	<u>929.116.859.856</u>

- (i) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (“Dự án”) do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN (“Quyết định 7089/QĐ-DKVN”). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn) (ii)	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(ii) Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC Phú Đạt) đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn).

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại PVC Phú Đạt - nay là PVC Bình Sơn), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

Theo Quyết định số 569/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	798.588.907.055	896.188.907.055
Lỗi lũy kế từ công ty liên kết	(667.788.889.679)	(634.933.422.476)
	<u>130.800.017.376</u>	<u>261.255.484.579</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	4.498.514.527.097	6.911.621.201.720
Tổng công nợ	5.360.235.783.883	6.604.466.852.277
Tài sản thuần	(861.721.256.786)	307.154.349.443
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>130.800.017.376</u>	<u>261.255.484.579</u>

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu	992.175.636.265	1.109.909.426.432
Lỗ thuần	(254.297.037.260)	(217.092.701.191)
Lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>(31.355.467.203)</u>	<u>(19.122.458.307)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2015 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	-	2.600.000.000	0%	0%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	Hà Nội	-	100.000.000.000	0%	0%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	63.900.000.000	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	77.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
14	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	73.500.000.000	73.500.000.000	49%	49%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			798.588.907.055	896.188.907.055			

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Đầu tư dài hạn khác	31/12/2015	Tỷ lệ phần sở hữu	31/12/2014	Tỷ lệ phần sở hữu
		VND	%	Điều chỉnh lại VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
4	Công ty Cổ phần Hải Đăng	1.134.420.238	2%	15.000.000.000	2%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
7	Các khoản đầu tư dài hạn khác	19.685.000.000		24.685.000.000	
		231.084.388.437		249.949.968.199	

23. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	64.493.904.711
Tại ngày 31/12/2015	64.493.904.711
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	33.161.604.262
Phân bổ trong năm	6.411.104.499
Tại ngày 31/12/2015	39.572.708.761
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	24.921.195.950
Tại ngày 31/12/2014	31.332.300.449

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Giá gốc/số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Công ty Công nghiệp DAELIM	1.926.217.551.948	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	180.568.707.108	177.867.318.654
Tập đoàn Sojitz	132.836.579.852	663.431.733.594
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	115.973.338.811	115.973.338.811
Các khoản khác	1.521.186.081.521	1.404.687.832.430
	3.876.782.259.240	2.361.960.223.489
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i> <i>(xem tại Thuyết minh số 42)</i>	568.426.675.890	494.194.834.731

25. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm số tiền nhận trước từ Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 2.225.124.854.959 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.836.621.594.448 VND) liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	Điều chỉnh lại	Số phải thu/nộp	Số đã thu/nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.888.438.706	-	6.073.039.330	31.815.399.376
Thuế thu nhập cá nhân	772.395.829	41.841.695	814.237.524	-
Các loại thuế khác	14.267.374	249.627.099	204.911.318	58.983.155
Cộng	38.675.101.909	291.468.794	7.092.188.172	31.874.382.531
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	77.739.972.505	160.130.805.086	201.778.648.609	36.092.128.982
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	649.933.618.919	649.933.618.919	-
Thuế nhập khẩu	-	5.549.493.648	5.549.493.648	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.392.822.560	52.243.541.158	46.653.079.024	20.983.284.694
Thuế thu nhập cá nhân	6.340.331.285	23.034.789.207	24.195.517.979	5.179.602.513
Tiền thuế đất	858.855.276	33.095.389.233	33.687.541.389	266.703.120
Thuế môn bài	-	182.251.072	68.000.000	114.251.072
Thuế khác	5.427.953.627	1.953.901.519	307.720.297	7.074.134.849
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	420.329.593	15.893.944.578	16.072.400.202	241.873.969
Cộng	106.180.264.846	942.017.734.420	978.246.020.067	69.951.979.199

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại
		VND
a) Ngắn hạn	855.518.702.140	697.438.327.642
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	627.790.990.456	484.062.100.714
Trích trước chi phí lãi vay	215.417.290.381	188.897.524.904
Chi phí phải trả khác	12.310.421.303	24.478.702.024
b) Dài hạn	144.545.262.234	73.926.727.446
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	74.031.620.500	73.926.727.446
Trích trước chi phí lãi vay	70.513.641.734	-
	1.000.063.964.374	771.365.055.088

28. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại
		VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	237.855.091.994	412.955.201.420
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	86.167.577.950	76.281.343.205
Nhận đặt cọc ngắn hạn	67.889.013.952	86.839.966.225
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	64.948.464.837	65.009.860.837
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải trả khách hàng thanh lý hợp đồng mua căn hộ	44.996.237.712	41.339.176.812
Lãi vay phải trả	13.624.762.793	6.109.060.387
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	193.751.441.596
Sở Tài chính Hà Nội	-	41.405.472.584
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	116.067.715.298	452.774.701.452
	681.548.864.536	1.426.466.224.518

- (i) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty khác theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 30.
- (ii) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chủ yếu bao gồm số tiền khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	684.870.146.741	576.003.101.778	1.653.260.890.704	1.449.863.250.242	888.267.787.203	707.554.294.210
- Vay tại Công ty Mẹ (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	34.608.767.015	12.618.273.500	62.690.493.515	62.690.493.515
- Vay tại các công ty con	644.170.146.741	535.303.101.778	1.618.652.123.689	1.437.244.976.742	825.577.293.688	644.863.800.695
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 30)	271.397.314.223	269.026.167.464	126.821.501.111	221.169.273.595	177.049.541.739	177.049.541.739
- Vay tại Công ty Mẹ	19.038.873.320	19.038.873.320	-	19.038.873.320	-	-
- Vay tại các công ty con	252.358.440.903	249.987.294.144	126.821.501.111	202.130.400.275	177.049.541.739	177.049.541.739
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 30)	18.027.626.139	18.027.626.139	17.888.139.196	20.852.793.377	15.062.971.958	15.062.971.958
- Nợ tại Công ty Mẹ	2.505.814.000	2.505.814.000	3.401.514.533	2.750.626.833	3.156.701.700	3.156.701.700
- Nợ tại các công ty con	15.521.812.139	15.521.812.139	14.486.624.663	18.102.166.544	11.906.270.258	11.906.270.258
Trái phiếu đến kỳ hạn (xem Thuyết minh số 30)	95.000.000.000	-	-	-	95.000.000.000	-
Cộng	1.069.295.087.103	863.056.895.381	1.797.970.531.011	1.691.885.317.214	1.175.380.300.900	899.666.807.907

- (i) Dự nợ vay ngắn hạn tại Công ty mẹ Tổng Công ty bao gồm 2 khoản vay: (a) vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2015/2084/729/HĐTĐ ngày 21 tháng 9 năm 2015 giữa BIDV - Chi nhánh Hà Tây với Tổng Công ty với số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 22 tỷ VND. Hạn mức của hợp đồng vay này là 1.000 tỷ VND bao gồm dư nợ, dư bảo lãnh và dư mở L/C gồm cả VND, ngoại tệ quy đổi trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 200 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh thông thường là 800 tỷ VND. Tài sản đảm bảo được hai bên thống nhất theo từng khế ước vay. Lãi suất khoản vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2016; (b) vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty với số dư nợ gốc 40,7 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	203.099.471.504	84.807.502.614
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	151.435.609.962	83.546.310.659
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (iii)	126.095.059.785	53.160.092.770
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (iv)	119.539.630.318	119.562.738.665
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (v)	92.773.315.990	165.428.772.122
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội	42.551.568.796	42.551.568.796
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu	61.469.800.967	40.292.883.228
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	91.303.329.881	95.520.277.887
	888.267.787.203	684.870.146.741

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản vay của PVC-IC (công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30158/HDHM/DN ngày 14 tháng 10 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút với số tiền tối đa là 280 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động về việc thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của PG Bank - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng khế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của PVC-IC theo Hợp đồng tín dụng số 9653/2015-HĐTD/NHCT880-PVCIC ngày 25 tháng 6 năm 2015 với số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 33 tỷ VND. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị dự án Nhà hỗn hợp HH1 được ký kết giữa Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và PVC-IC. Mục đích sử dụng của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công Hạng mục phần thân thuộc công trình nêu trên. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh mỗi tháng một lần, lãi suất cho vay áp dụng trong năm 2015 là từ 5,5%/năm đến 6%/năm. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- Khoản vay của PVC-MS (công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng tín dụng số 9234/2014-HĐTDHM/NHCT880-PXS ngày 29 tháng 10 năm 2014 và số 9813/2015-HĐTDHM/NHCT880-PXS ngày 01 tháng 10 năm 2015 với hạn mức tín dụng 150 tỷ VND (hoặc USD tương đương) với số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 95 tỷ VND. Hạn mức này bao gồm toàn bộ dư nợ vay và các số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC-MS. Thời hạn của hạn mức tín dụng là đến ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh mỗi tháng một lần, lãi suất cho vay áp dụng trong năm 2015 là từ 4,5%/năm đến 5%/năm. Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng Quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn,...) của PVC-MS với giá trị tối thiểu bằng số dư tín dụng của PVC-MS tại Vietinbank.

- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản vay của PVC-IC theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2014/PVC-VCB/HM ngày 15 tháng 5 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình, thành phố Vũng Tàu. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương (OceanBank) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản vay của PVC-Mekong (công ty con của Tổng Công ty) theo các Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HĐTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 số 001-0012/2013/HĐTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 với hạn mức vay là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- (v) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBBank) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm khoản vay của PVC-IC (công ty con của Tổng Công ty) tại MBBank - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014 với số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 75 tỷ VND. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời PVC-IC cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của PVC-IC tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của PVC-IC trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 29 tháng 02 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	1.667.144.927.964	1.667.144.927.964	301.029.625.911	303.384.184.383	1.664.790.369.492	1.664.790.369.492
- Vay tại Công ty Mẹ	974.072.855.303	974.072.855.303	-	19.038.873.320	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các Công ty con	693.072.072.661	693.072.072.661	301.029.625.911	284.345.311.063	709.756.387.509	709.756.387.509
Nợ thuê tài chính dài hạn	34.498.662.349	34.498.662.349	31.946.826.075	26.746.124.952	39.699.363.472	39.699.363.472
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	8.770.339.008	8.770.339.008	2.766.272.728	2.750.626.833	8.785.984.903	8.785.984.903
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	25.728.323.341	25.728.323.341	29.180.553.347	23.995.498.119	30.913.378.569	30.913.378.569
Trái phiếu phát hành của PVC Land (Công ty con)	95.000.000.000	-	-	-	95.000.000.000	-
Cộng	1.796.643.590.313	1.701.643.590.313	332.976.451.986	330.130.309.335	1.799.489.732.964	1.704.489.732.964
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	384.424.940.362				287.112.513.697	
Số phải trả sau 12 tháng	1.412.218.649.951				1.512.377.219.267	

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	245.055.736.027	295.910.930.219
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt	264.800.000.000	291.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	100.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	45.820.000.000	-
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	54.080.651.482	124.800.015.762
	1.664.790.369.492	1.667.144.927.964

(i) Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)), thời điểm thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

(ii) Khoản vay của PVC-Petroland (công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng tín dụng số 09.102035/HĐTD-TDĐH ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ VND nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 09.102035/2015-HĐTD-SDDBS07/NHCT900-Petroland ngày 05 tháng 01 năm 2015, lịch thanh toán nợ gốc được Vietinbank gia hạn đến năm 2019, các khoản nợ gốc được trả hàng năm vào ngày 31 tháng 12 hàng năm trong vòng 5 năm, bắt đầu từ năm 2015 đến hết năm 2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(iii) Số dư khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện số dư khoản vay của PVC-MS (công ty con của Tổng Công ty) từ chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012, với hạn mức vay 480 tỷ VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 72 tháng và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để tái tài trợ dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình - giai đoạn 2.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	177.049.541.739	271.397.314.223
Trong năm thứ hai	1.186.455.995.042	183.014.188.542
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	210.284.832.711	1.212.733.425.199
Sau năm năm	91.000.000.000	-
	1.664.790.369.492	1.667.144.927.964
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần nợ ngắn hạn</i>)	177.049.541.739	271.397.314.223
Số phải trả sau 12 tháng	1.487.740.827.753	1.395.747.613.741

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.062.971.958	18.027.626.139
Trong năm thứ hai	23.416.707.019	13.017.390.742
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.219.684.495	3.453.645.468
	39.699.363.472	34.498.662.349
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần nợ ngắn hạn</i>)	15.062.971.958	18.027.626.139
Số phải trả sau 12 tháng	24.636.391.514	16.471.036.210

Trái phiếu thể hiện trái phiếu không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản phát hành bởi PVC Land (công ty con của Tổng Công ty). Bên mua trái phiếu phát hành là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Giá trị trái phiếu được phát hành theo Hợp đồng số 188-11/HĐĐMTP-HCM ngày 21 tháng 11 năm 2011 là 54 tỷ VND (tương đương 54 trái phiếu, mỗi trái phiếu 1 tỷ VND). Mục đích phát hành là để tái cơ cấu một phần khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 233-10/HĐTD-HCM ngày 12 tháng 8 năm 2010 giữa PVC Land và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Kỳ hạn trái phiếu theo Hợp đồng số 188-11/HĐĐMTP-HCM ngày 21 tháng 11 năm 2011 tối đa là 14 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 22 tháng 11 năm 2011). Ngày đáo hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, trái phiếu đã quá hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và chưa được gia hạn. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Mức điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tại thời điểm điều chỉnh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Điều chỉnh lại	(Lỗ) lũy kế	Cộng							
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.000.000.000.000	-	3.063.276.244	(3.352.536.660)	91.172.559.438	62.590.297.630	2.814.220.034	(3.075.092.883.245)	1.081.194.933.441								
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	49.783.099.528	49.783.099.528								
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.069.295.450	2.291.789.868	-	(10.170.406.365)	(3.809.321.047)								
Biến động do mất quyền kiểm soát các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	33.100.112.473	33.100.112.473								
Tặng/(giảm) khác	-	76.921.472	-	489.740.862	(5.452.687.618)	(3.260.440.938)	(651.807.802)	(4.086.289.516)	(12.884.563.540)								
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.000.000.000.000	76.921.472	3.063.276.244	(2.862.795.798)	89.789.167.270	61.621.646.560	2.162.412.232	(3.006.466.367.125)	1.147.384.260.855								
Điều chỉnh lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	61.621.646.560	(61.621.646.560)	-	(20.623.468.180)	(20.623.468.180)								
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.000.000.000.000	76.921.472	3.063.276.244	(2.862.795.798)	151.410.813.830	-	2.162.412.232	(3.027.089.835.305)	1.126.760.792.675								
Tăng vốn trong năm	-	6.754.798.010	-	-	(25.487.110.833)	-	-	-	(18.732.312.823)								
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	23.986.265.087	23.986.265.087								
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.672.043.203	-	-	(25.177.551.879)	(8.505.508.676)								
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	(10.195)	(96.143.415)	-	-	272.916.242	176.762.632								
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	142.499.602.785	-	2.162.412.232	(3.028.008.205.855)	1.123.685.998.895								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN/HN

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	12.900.433.211.704	2.743.528.686.448	572.344.412.962	(685.748.831.646)	15.530.557.479.468
Lỗ từ công ty liên kết	(667.788.889.679)				(667.788.889.679)
Tổng tài sản hợp nhất					14.862.768.589.789
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	10.168.666.923.604	1.392.707.636.552	361.447.613.530	74.484.920.068	11.997.307.093.754
Tổng nợ phải trả hợp nhất					11.997.307.093.754

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Điều chỉnh lại)

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	13.179.285.712.758	3.680.284.980.472	940.476.047.212	(1.224.393.667.540)	16.575.653.072.902
Lỗ từ công ty liên kết	(634.933.422.476)				(634.933.422.476)
Tổng tài sản hợp nhất					15.940.719.650.426
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	11.194.535.411.232	2.169.362.620.255	301.319.852.878	(589.224.136.282)	13.075.993.748.083
Tổng nợ phải trả hợp nhất					13.075.993.748.083

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Doanh thu										
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.211.100.073.227		548.697.344.980		365.962.717.147		(1.289.464.077.918)		11.836.296.057.436	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11.535.753.343.426		493.487.577.047		314.645.982.884		(1.255.701.143.288)		11.088.185.760.069	
Kết quả kinh doanh bộ phận	675.346.729.801		55.209.767.933		51.316.734.263		(33.762.934.630)		748.110.297.367	
Chi phí không phân bổ									(701.572.523.111)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									46.537.774.256	
Phần lỗ trong công ty liên kết									(31.355.467.203)	
Lợi nhuận khác									18.107.662.786	
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính									55.233.926.599	
Lợi nhuận trước thuế									88.523.896.438	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(65.832.464.640)	
Lợi nhuận trong năm									22.691.431.798	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Điều chỉnh lại)

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu										
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.262.915.430.969	149.642.472.849	267.206.265.186	(733.539.152.725)	8.946.225.016.279					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	8.947.261.191.096	130.741.331.828	256.913.051.725	(844.252.791.228)	8.490.662.783.421					
Kết quả kinh doanh bộ phận	315.654.239.873	18.901.141.021	10.293.213.461	110.713.638.503	455.562.232.858					
Chi phí không phân bổ					(351.630.885.024)					
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					103.931.347.834					
Phần lỗ trong công ty liên kết					(19.122.458.307)					
Lợi nhuận khác					61.715.734.539					
Lỗ từ hoạt động tài chính					(6.417.662.888)					
Lợi nhuận trước thuế					140.106.961.178					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(37.566.965.380)					
Lợi nhuận trong năm					102.539.995.798					

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Miền Bắc	9.147.197.239.110	6.516.785.705.807
Miền Trung	135.532.859.249	5.421.666.524
Miền Nam	3.843.030.036.995	3.157.556.796.673
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(1.289.464.077.918)	(733.539.152.725)
	11.836.296.057.436	8.946.225.016.279

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình	
	31/12/2015	31/12/2014	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND	VND	VND
Miền Bắc	9.897.252.769.131	10.524.794.053.433	16.879.301.087	4.924.470.831
Miền Trung	479.538.999.865	-	266.954.545	-
Miền Nam	5.839.514.542.118	7.275.252.687.010	87.844.178.968	54.362.048.485
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(1.353.537.721.325)	(1.859.327.090.017)	-	-
	14.862.768.589.789	15.940.719.650.426	104.990.434.600	59.286.519.316

33. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2014
		Điều chỉnh lại	
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ (USD)	USD	27.632.967	36.844.667
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	11.047.395.478	11.047.395.478

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Hoạt động xây lắp	10.947.610.807.878	8.617.766.174.163
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	552.014.836.201	158.641.707.249
Hoạt động dịch vụ	297.691.638.105	119.470.901.539
Hoạt động tư vấn xây dựng	8.592.823.774	2.880.197.401
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	18.260.324.438	20.941.655.183
Hoạt động khác	19.193.394.029	37.350.712.078
	11.843.363.824.425	8.957.051.347.613
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.067.766.989	10.826.331.334
Doanh thu thuần	11.836.296.057.436	8.946.225.016.279

35. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Hoạt động xây lắp	10.301.181.236.939	8.185.694.199.136
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	493.487.577.047	132.032.476.898
Hoạt động dịch vụ	260.715.765.602	113.502.919.271
Hoạt động tư vấn xây dựng	8.730.890.147	7.223.467.439
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	20.347.435.539	27.836.742.726
Hoạt động khác	3.722.854.795	24.372.977.951
	11.088.185.760.069	8.490.662.783.421

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Thanh lý/mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	410.633.868.951
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	23.777.868.219	21.520.595.235
Cổ tức, lợi nhuận được chia	395.685.000	3.966.128.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	65.175.679.349	40.500.487.983
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	23.408.965.890
Doanh thu hoạt động tài chính khác	871.904.518	5.713.194.457
	90.221.137.086	505.743.240.516

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại
		VND
Chi phí lãi vay	136.740.804.866	127.815.244.534
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.940.434.397	159.379.653.557
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	27.756.163.965	24.752.563.225
(Hoàn nhập)/dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	(175.100.109.426)	160.235.604.880
Lỗi chênh lệch tỷ giá	31.151.363.174	39.250.399.184
Chi phí tài chính khác	3.498.553.511	727.438.024
	34.987.210.487	512.160.903.404

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2015, một số tổ chức tín dụng đã đồng ý giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền khoảng 175 tỷ VND.

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.926.603.742.199	7.441.715.533.983
Chi phí nhân công	991.524.077.895	801.218.356.371 ^E
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.383.131.565	118.410.286.917*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.959.707.623	1.998.351.967.327
Chi phí dự phòng	326.933.981.045	(21.250.663.562)
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	208.971.188.333	479.901.805.344
	12.715.375.828.660	10.818.347.286.380

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	88.523.896.438	140.106.961.178
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
- Thu nhập không chịu thuế	(294.942.220.984)	(264.749.620.825)
- Lỗ được kết chuyển	(235.955.132.231)	(146.357.565.061)
- Lỗ được kết chuyển	(58.987.088.753)	(118.392.055.764)
Cộng:	39.182.596.135	295.996.679.796
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.112	5.827.268.112
- Chi phí không được khấu trừ	33.355.328.023	83.904.640.777
- Các khoản dự phòng	-	206.264.770.907
Thu nhập chịu thuế	(167.235.728.411)	171.354.020.149
- Lỗ	(418.973.255.256)	(32.945.268.798)
- Lãi tính thuế	251.737.526.845	204.299.288.947
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.382.255.906	44.945.843.568
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	2.887.314.237	466.498.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	58.269.570.143	45.412.341.868
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	7.562.894.497	(7.845.376.488)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	65.832.464.640	37.566.965.380

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	2015	2014
			Điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	VND	23.986.265.087	49.783.099.528
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	VND	(5.916.844.453)	(8.043.907.333)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	18.069.420.634	41.739.192.195
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	45	104
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	VND	10.000	10.000

Tổng Công ty đã tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202.

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 29 và Thuyết minh số 30 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.687.757.520.167	2.481.513.737.054
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	873.243.970.647	1.765.815.383.424
Nợ thuần	1.814.513.549.520	715.698.353.630
Vốn chủ sở hữu	2.865.461.496.035	2.864.725.902.343
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,63	0,25

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	873.243.970.647	1.765.815.383.424
Đầu tư tài chính	176.539.775.350	179.737.593.405
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	2.208.334.648.745	2.137.698.650.799
Tổng cộng	3.258.118.394.742	4.083.251.627.628
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.687.757.520.167	2.481.513.737.054
Phải trả người bán và phải trả khác	4.635.753.017.047	3.854.722.317.927
Chi phí phải trả	1.000.063.964.374	771.365.055.088
Tổng cộng	8.323.574.501.588	7.107.601.110.069

Tổng Công ty chưa đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	267.622.137.019	1.556.376.114.410	621.255.629.933	840.666.486.045

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế năm 2015 và lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	35.363.349.291	(71.570.962.836)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Toàn bộ các khoản vay của Tổng Công ty được thực hiện theo hình thức vay với lãi suất cố định.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng với số tiền tương ứng như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(33.840.470.764)
VND	-200	33.840.470.764
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(29.715.595.101)
VND	-200	29.715.595.101

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 569/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016 (như trình bày tại Thuyết minh số 44).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	873.243.970.647	-	-	873.243.970.647
Đầu tư tài chính	119.608.041.024	56.931.734.326	-	176.539.775.350
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.728.271.664.324	480.062.984.421	-	2.208.334.648.745
Tổng cộng	2.721.123.675.995	536.994.718.747	-	3.258.118.394.742

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.175.380.300.900	1.421.377.219.267	91.000.000.000	2.687.757.520.167
Phải trả người bán và phải trả khác	4.547.661.776.271	88.091.240.776	-	4.635.753.017.047
Chi phí phải trả	855.518.702.140	144.545.262.234	-	1.000.063.964.374
Tổng cộng	6.578.560.779.311	1.654.013.722.277	91.000.000.000	8.323.574.501.588
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.857.437.103.316)	(1.117.019.003.530)	(91.000.000.000)	(5.065.456.106.846)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	-	-	1.765.815.383.424
Đầu tư tài chính	93.011.049.600	86.726.543.805	-	179.737.593.405
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.274.607.849.110	863.090.801.689	-	2.137.698.650.799
Tổng cộng	3.133.434.282.134	949.817.345.494	-	4.083.251.627.628

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.069.295.087.103	1.412.218.649.951	-	2.481.513.737.054
Phải trả người bán và phải trả khác	3.778.806.234.731	75.916.083.196	-	3.854.722.317.927
Chi phí phải trả	697.438.327.642	73.926.727.446	-	771.365.055.088
Tổng cộng	5.545.539.649.476	1.562.061.460.593	-	7.107.601.110.069
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.412.105.367.342)	(612.244.115.099)	-	(3.024.349.482.441)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

42. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.767.600.130.134	6.090.125.099.056
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	7.322.505.000	5.514.318.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	254.323.550.213	600.669.899.743
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	77.742.455.383	68.486.353.606
Phải thu từ các công ty liên kết	242.293.320.582	245.531.154.464
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	2.362.216.587.695	3.908.101.452.112
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	823.557.239	116.399.154.802
Các công ty liên kết ứng trước	4.965.453.846	4.795.814.624
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	180.568.707.108	177.867.318.654
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	192.929.678.370	141.857.593.214
Phải trả các công ty liên kết	194.928.290.412	174.469.922.863
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	112.621.000	3.258.904.048
Ứng trước cho các công ty liên kết	302.264.496.593	343.010.121.167
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	2.068.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	63.373.999.703	14.425.973.396
Phải thu khác các công ty liên kết	175.542.327.759	165.980.255.862
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	64.888.464.837	65.009.860.837
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	55.621.610.533	244.064.286.717
Phải trả khác các công ty liên kết	194.928.290.412	174.469.922.863
Phải thu về cho vay dài hạn các công ty liên kết	402.536.498.658	402.536.498.658
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam		
- Vay ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Vay dài hạn	100.000.000.000	-

43. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh tại ngày 31/12/2015	Dư nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
				tại ngày 31/12/2015	nợ phải trả tại ngày 31/12/2015
			VND	VND	VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	99.912.312.503
Tổng cộng			237.855.091.994	237.855.091.994	237.855.091.994

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Trong năm 2015, một số tổ chức tín dụng đã đồng ý giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền khoảng 175 tỷ VND. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 238 tỷ VND. Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá và thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả đối với số dư nợ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến vấn đề này.

44. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***44. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có công văn số 091/DKVN-HĐTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 12 tháng 01 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 71/TTg-KTN đồng ý với kiến nghị của Bộ Công thương tại báo cáo số 12839/BCT-TCNL ngày 16 tháng 12 năm 2015 và giao Bộ Công thương chỉ đạo PVN rà soát lại chi phí đầu tư trước khi phê duyệt điều chỉnh hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC Phú Đạt - nay là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này).

Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

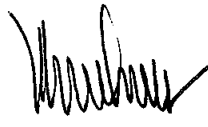
Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm trước đã được điều chỉnh hồi tố và phân loại lại theo Thông tư 200, Thông tư 202 và Báo cáo kiểm toán Tổng Công ty năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước ký ngày 10 tháng 3 năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Tiên
Phó Tổng Giám đốc